

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026
(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày tháng 4 năm 2026 của UBND xã Sơn Cẩm Hà)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô đầu tư	Mã số dự án	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn ngân sách xã năm 2026 theo Nghị quyết 04/NQ-HĐND ngày 30/01/2026 của HĐND xã	Kế hoạch vốn ngân sách xã năm 2026 đề nghị điều chỉnh	Kế hoạch vốn ngân sách xã năm 2026 sau khi điều chỉnh	Trong đó		Ghi chú
					Tổng cộng	Trong đó						Nguồn XDCNTT	Nguồn thu KTQP	
						Ngân sách TW	Ngân sách Thành phố	Ngân sách xã, khác						
A	ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				374,540.342	2,387.231	334,777.744	37,375.367	23,347.000	(10,280.4)	13,066.621	13,034.621	32.000	
I	THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG CÁC CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP, QUYẾT TOÁN				4,540.342	2,387.231	1,777.744	375.367	166.000	(29.4)	136.621	136.621	-	
1	BTH ngõ xóm tuyến ông Tuấn ông Thám thôn Cẩm Phô	thôn Cẩm Phô		8152584	149.021	105.336	29.804	13.881	2.500	(2.5)	-	-		
2	BTH ngõ xóm tuyến ông Phi ông Hoàng thôn Cẩm Lãnh	thôn Cẩm Lãnh		8152585	148.245	105.336	29.649	13.260	2.500	(2.5)	-	-		
3	BTH GTNT ngõ xóm tuyến ĐX 3 đi chi bộ đầu tiên xã Tiên Sơn tại thôn 5	Thôn 5 Tiên Sơn		8152946	304.507	222.264	60.907	21.336	2.500		2.500	2.500		
4	Điện chiếu sáng ĐX 2 đoạn ông Võ Văn Sáu - ông Tùy	Thôn 4		8152940	142.876	128.588	7.144	7.144	0.182		0.182	0.182		
5	Bê tông hóa GTNT tuyến ông Mạnh đi bà Hường	Thôn Trung An		8147105	276.812		241.405	35.407	24.285		24.285	24.285		
6	Bê tông GTNT tuyến ông Tân đi ông Hòa	Thôn Đại Tráng		8146198	644.494		573.427	71.067	49.747		49.747	49.747		
7	BTH tuyến Hóc dó đi ông Thống	Thôn Đại Tráng		8150483	310.565	213.209	62.113	35.243	10.073		10.073	10.073		
8	Bê tông GTNT tuyến ông Thông đi Rừng Làng	Thôn Đại Tráng		8150482	750.741	516.146	150.148	84.447	24.834		24.834	24.834		
9	BTH ngõ xóm tuyến ông Chức đi ông Lịch			8148955	432.057		388.475	43.582	21.879	(21.9)	-	-		
10	Chỉnh trang khuôn viên Đình làng Hội An	Thôn Hội An		8158378	1,000.000	800.000	150.000	50.000	25.000		25.000	25.000		
11	Xây dựng bổ sung bê tông hóa đoạn bà An đi ông Đăng để thông thương tuyến 6 Sự đi Dầu Lai thôn 1				381.024	296.352	84.672		2.500	(2.5)	-	-		
II	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI				370,000.000	-	333,000.000	37,000.000	23,181.000	(10,251.0)	12,930.0	12,898.0	32	
II.1	GIAO THÔNG				193,000.000	-	185,000.000	8,000.000	6,500.000	(1,000.0)	5,500.000	5,500.000	0	
1	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT615 qua trung tâm xã	Thôn Cẩm Tây	Dài khoảng 1,2km; mặt đường BT nhựa rộng ≥7,5m		3,000.000		-	3,000.000	1,500.000	(1,000.0)	500.000	500.000		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô đầu tư	Mã số dự án	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn ngân sách xã năm 2026 theo Nghị quyết 04/NQ-HĐND ngày 30/01/2026 của HĐND xã	Kế hoạch vốn ngân sách xã năm 2026 đề nghị điều chỉnh	Kế hoạch vốn ngân sách xã năm 2026 sau khi điều chỉnh	Trong đó		Ghi chú	
					Tổng cộng	Trong đó					Nguồn XDCNTT	Nguồn thu KTQĐ		
						Ngân sách TW	Ngân sách Thành phố							Ngân sách xã, khác
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT615 qua trung tâm xã	Thôn Cẩm Tây	Dài khoảng 1,2km; mặt đường BT nhựa rộng ≥7,5m		30,000.000		30,000.000	-	-	-	-			
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT614 qua trung tâm xã	Thôn Cẩm Tây	Dài khoảng 2km; mặt đường BT nhựa rộng ≥5,5m		30,000.000		30,000.000	-	-	-	-			
4	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐH9	Thôn Thanh Bôi, Thanh Khê, Thanh Tân, Tái Thành	Dài khoảng 8km; mặt đường BTXM rộng 5,5m		50,000.000		50,000.000	-	-	-	-			
5	Đường vào Khu du lịch Thác Ổ Ổ	Thanh Khê, Thanh Tân,	Dài khoảng 5km; mặt đường BTXM rộng 5,5-7,5m		70,000.000		70,000.000	-	-	-	-			
6	Nâng cấp tuyến ĐX1. Tiên Sơn (từ ĐT614 đi Dốc Đá Trắng)	Thôn 2	Dài khoảng 1,3km; mặt đường BTXM rộng 3,5m, dây 18cm; nền đường ≥6m		2,145.000		745.000	1,400.000	1,400.000	1,400.000	1,400.000			
7	Nâng cấp tuyến ĐX2. Tiên Sơn (ĐT614 đến Nhà Văn hóa thôn 4)	Thôn 4	Dài khoảng 1,5km; mặt đường BTXM rộng 3,5m, dây 18cm; nền đường ≥6m		2,475.000		875.000	1,600.000	1,600.000	1,600.000	1,600.000			
8	Nâng cấp Tuyến ĐX3. Tiên Sơn (từ ĐT614 đi ông Tham)	Thôn 6	Dài khoảng 1,5km; mặt đường BTXM rộng 3,5m, dây 18cm; nền đường ≥6m		2,245.000		745.000	1,500.000	1,500.000	1,500.000	1,500.000			
9	Nâng cấp Tuyến ĐX1. Tiên Cẩm (từ ông Tịnh đi ông Liễu)	Thôn Cẩm Đông	Dài khoảng 0,5km; mặt đường BTXM rộng 3,0m, dây 18cm; nền đường ≥6m		825.000		325.000	500.000	500.000	500.000	500.000			
10	Nâng cấp Tuyến ĐX2. Tiên Châu (từ ngã ba bà Lập đi ngầm Hồ Đẳng)	Thôn Thanh Bôi	Dài khoảng 1,4km; mặt đường BTXM rộng 3,5m, dây 18cm; nền đường ≥6m		2,310.000		2,310.000	-	-	-	-			
II.2	THỦY LỢI				2,000.000	-	-	2,000.000	1,200.000	(500.0)	700.000	700.000	0.000	
1	Nâng cấp đập Làng	Thanh Khê	Đập dâng BTCT dài 9m, cao 2,5m		2,000.000		-	2,000.000	1,200.000	(500.0)	700.000	700.000		
II.3	CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC				91,000.000	-	83,000.000	8,000.000	4,500.000	(2,500.0)	2,000.000	1,968.000	32.000	
1	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Xây mới trường TH-THCS Nguyễn Du	Thôn Cẩm Lãnh	Diện tích thu hồi khoảng 0,5ha đất NN		3,000.000		-	3,000.000	1,000.000	(500.0)	500.000	500.000		
2	Xây mới trường TH-THCS Nguyễn Du	Thôn Cẩm Lãnh	10 Phòng Học; 8 phòng Khu hiệu bộ; nhà chức năng		28,000.000		28,000.000	-	-	-	-	-		
3	Xây mới Nhà thi đấu trường THCS Nguyễn Trãi	Thôn Hội An	Nhà thi đấu đa năng các môn: bóng chuyền, cầu lông,...		5,000.000		-	5,000.000	3,500.000	(2,000.0)	1,500.000	1,468.000	32.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô đầu tư	Mã số dự án	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch vốn ngân sách xã năm 2026 theo Nghị quyết 04/NQ-HĐND ngày 30/01/2026 của HĐND xã	Kế hoạch vốn ngân sách xã năm 2026 đề nghị điều chỉnh	Kế hoạch vốn ngân sách xã năm 2026 sau khi điều chỉnh	Trong đó		Ghi chú
					Tổng cộng	Trong đó						Nguồn XDCNTT	Nguồn thu KTQĐ	
						Ngân sách TW	Ngân sách Thành phố	Ngân sách xã, khác						
4	Xây dựng Trường Mẫu giáo Tiên Hà	Thôn Phú Vinh	08 Phòng Học; 01 phòng thư viện, 01 phòng giáo dục nghệ thuật, Khu hiệu bộ; bếp ăn, tường rào công nghệ, khu vui chơi...		20,000.000		20,000.000	-	-		-	-		
5	Xây dựng Trường Tiểu học Tiên Hà	Thôn Phú Vinh	08 Phòng Học 2 tầng		10,000.000		10,000.000	-	-		-	-		
6	Xây dựng Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	Thôn 3	10 Phòng Học; Khu hiệu bộ; các phòng chức năng, tường rào công nghệ,...		25,000.000		25,000.000	-	-		-	-		
II.4	CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP, TTCN, TMDV				40,000.000	-	40,000.000	-	-		-	-	0.000	
1	Xây dựng chợ Sơn Cẩm Hà	Thôn Cẩm Tây	Xây dựng chợ, hệ thống PCCC, vệ sinh môi trường, bãi đỗ xe, khu dân cư		40,000.000		40,000.000	-	-		-	-		
II.5	CÔNG NGHIỆP HẠ TẦNG KỸ THUẬT, CÂY XANH, ĐIỆN CHIẾU SÁNG				19,000.000	-	-	19,000.000	10,981.000	(6,251.0)	4,730.000	4,730.000	0.000	
1	Hệ thống điện chiếu sáng qua khu trung tâm xã trên tuyến ĐT615	Thôn Cẩm Lĩnh, Cẩm Tây, Cẩm Phô, Trung An, Phú Vinh, Tiên Tráng, Đại Tráng	chiều dài khoảng 9km, đèn led90W và hệ thống phụ trợ		9,000.000		-	9,000.000	4,681.000	(2,681.0)	2,000.000	2,000.000		
2	Hệ thống điện chiếu sáng qua khu trung tâm xã trên tuyến ĐT614	Thôn Hội Lâm, Cẩm Phô, Cẩm Tây, Thôn 2, 3, 4, 5	chiều dài 8km, đèn led90W và hệ thống phụ trợ		8,000.000		-	8,000.000	4,800.000	(2,800.0)	2,000.000	2,000.000		
3	Đèn tín hiệu nút giao thông	Thôn Cẩm Tây	5km		2,000.000		-	2,000.000	1,500.000	(770.0)	730.000	730.000		
II.6	BẢO ĐẢM XÃ HỘI				25,000.000	-	25,000.000	-	-	-	-	-	0.000	
1	Điểm bố trí tái định cư vùng sạt lở Đồng Lãng	Thôn Thanh Bôi	Phục vụ bố trí sắp xếp cho 62 hộ dân trung vùng sạt lở		25,000.000		25,000.000	-	-		-	-		
B	BỔ SUNG DANH MỤC ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 (Các công trình nhận bàn giao từ BQL dự án khu vực)				102,396.786	-	102,396.786	-	-	10,280.4	10,280.4	10,280.4	0.000	
I	GIAO THÔNG				46,809.336		46,809.336	-	-	4,800.0	4,800.0	4,800.0	0.000	
1	Đường vào khu sản xuất xã Tiên Châu, huyện Tiên Phước	Thôn Hội Lâm, Trung An			22,587.673		22,587.673			2,000.0	2,000.0	2,000.0		
2	Nâng cấp đường ĐH 15 TP (Tiên Cẩm - Tiên Hà (giai đoạn 2)	Thôn Cẩm Phô, Trung An			14,972.000		14,972.000			2,000.0	2,000.0	2,000.0		
3	Hoàn chỉnh tuyến ĐH 13 (giai đoạn 1)	Thôn Hội An, Hội Lâm			6,590.000		6,590.000			400.0	400.0	400.0		
4	Hoàn chỉnh tuyến ĐH 15 TP	Thôn Trung An			2,659.663		2,659.663			400.0	400.0	400.0		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô đầu tư	Mã số dự án	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn ngân sách xã năm 2026 theo Nghị quyết 04/NQ-HĐND ngày 30/01/2026 của HĐND xã	Kế hoạch vốn ngân sách xã năm 2026 đề nghị điều chỉnh	Kế hoạch vốn ngân sách xã năm 2026 sau khi điều chỉnh	Trong đó		Ghi chú	
					Tổng cộng	Trong đó					Nguồn XDCNTT	Nguồn thu KTQĐ		
						Ngân sách TW	Ngân sách Thành phố							Ngân sách xã, khác
II	VĂN HOÁ				14,238.000		14,238.000	-	-	2,000.0	2,000.0	2,000.0	0.000	
1	Tôn tạo khu di tích lịch sử Đồng Trại, huyện Tiên Phước	thôn Cẩm Lãnh			14,238.000		14,238.000			2,000.0	2,000.0	2,000.0		
III	CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC				22,767.000		22,767.000	-	-	2,000.0	2,000.0	2,000.0	0.000	
1	Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	thôn 3			9,000.000		9,000.000			2,000.0	2,000.0	2,000.0		
2	Trường TH-THCS Nguyễn Du	Thôn cẩm Tây			13,767.000		13,767.000	-	-	-	-	-		
IV	AN NINH				4,486.000		4,486.000	-	-	150.0	150.0	150.0	0.000	
1	Trụ sở làm việc công an xã Tiên Hà	thôn Phú Vinh			4,486.000		4,486.000			150.0	150.0	150.0		
V	MÔI TRƯỜNG				14,096.450		14,096.450	-	-	1,330.4	1,330.4	1,330.4	0.000	
1	Khu xử lý rác thải Tiên Hà	thôn Tài Thành			14,096.450		14,096.450			1,330.4	1,330.4	1,330.4		
	TỔNG CỘNG				476,937.128	2,387.231	437,174.530	37,375.367	23,347.0	-	23,347.0	23,315.0	32.0	